

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Thành

2. Ông Đỗ Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thùy V - sinh năm: 1986; Trú tại: Tổ dân phố số I, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Bà V ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Bạch T - sinh năm 1963; trú tại: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2023). Bà T có mặt.

- Bị đơn: Ông Văn Thành T1 - sinh năm 1962;

Bà Huỳnh Thị T2 - sinh năm 1963;

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Ông T1 có mặt, bà T2 vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm: 1984; Trú tại: Tổ dân phố số I, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Q ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Bạch T – sinh năm 1963; trú tại: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2023). Bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 28 tháng 4 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 7 năm 2023, bản tự khai ngày 11/3/2024, Biên bản hòa giải ngày 13/5/2024, và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy V là bà Huỳnh Thị Bạch T trình bày:

Bà Nguyễn Thùy V, ông Nguyễn Văn Q và ông Văn Thành T1, bà Huỳnh Thị T2 trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa có mối quan hệ quen biết với nhau. Ông T1, bà T2 mua dầu của bà V, ông Q để đi biển. Việc mua bán diễn ra từ lâu. Tính từ năm 2019 đến tháng 3/2022 ông T1, bà T2 nhiều lần mua dầu của bà V, ông Q và còn nợ bà V, ông Q số tiền 84.464.000đ (tám mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Vào ngày 20/3/2023 ông T3, bà T2 trả cho bà V, ông Q số tiền 6000.000đ (sáu triệu đồng) và hiện còn nợ bà V, ông Q số tiền 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Bà V, ông Q nhiều lần yêu cầu ông T1, bà T2 trả nợ nhưng ông T1, bà T2 cứ hẹn mà không trả. Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T1, bà T2 phải trả một lần toàn bộ số tiền 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Tại đơn khởi kiện bà V yêu cầu ông T1, bà T2 trả lãi với số tiền là 16.626.500đ (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 11/3/2024, tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thùy V là bà Huỳnh Thị Bạch T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà T chỉ yêu cầu ông T1, bà T2 phải trả cho bà V, ông Q số tiền 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và không yêu cầu ông T1, bà T2 phải trả lãi đối với số nợ trên.

* Tại Văn bản Ý kiến của bị đơn đề ngày 05/12/2023, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18 tháng 3 năm 2024, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Văn Thành T1 trình bày:

Ông Văn Thành T1, bà Huỳnh Thị T2 và bà Nguyễn Thùy V, ông Nguyễn Văn Q có mối quan hệ quen biết với nhau, Bà V1, ông Q bán xăng dầu, vợ chồng ông T1 và bà T2 mua dầu của bà V1, ông Q để ghe đi biển. Việc mua bán diễn ra nhiều lần. Từ năm 2019 đến tháng 3/2022 vợ chồng ông T1, bà T2 nhiều lần mua dầu của bà V1, ông Q và nợ bà V1, ông Q số tiền 84.464.000đ (tám mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Đến ngày 20/3/2024 ông T1, bà T2 trả cho bà V1, ông Q số tiền 6000.000đ (sáu triệu đồng) và còn nợ bà V1, ông Q số tiền 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Tuy nhiên sau đó thuyền của ông T1, bà V1 đi biển bị chìm nên từ đó đến nay ông T1, bà T2 không có tiền để trả cho bà V1, ông Q nên hiện còn nợ bà V1, ông Q số tiền 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Nay bà V1, ông Q yêu cầu

ông **T1**, bà **T2** trả nợ thì ông **T1** đồng ý trả nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn ông **T1** xin trả số nợ trên theo phương thức:

Cứ mỗi tháng thì trả một lần, mỗi lần trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và trả liên tục cho đến khi hết nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18 tháng 3 năm 2024 bị đơn bà **Huỳnh Thị T2** cũng trình bày thống nhất như lời trình bày của ông **T1** về quá trình mua bán dầu, số tiền nợ, và cũng xin trả dần số nợ theo phương thức: Cứ mỗi tháng thì trả một lần, mỗi lần trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và trả liên tục cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, 431, 440 của Bộ luật dân sự giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Nguyễn Thùy V** yêu cầu ông **Văn Thành T1** - sinh năm 1962 và bà **Huỳnh Thị T2** - sinh năm 1963; đồng trú tại: **Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa** trả nợ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn bà **Huỳnh Thị T2** đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **T2**.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn người đại diện theo uỷ quyền của bà **Nguyễn Thùy V** là bà **Huỳnh Thị Bạch T** đề nghị Tòa án buộc ông **Văn Thành T1** và bà **Huỳnh Thị T2** phải trả cho bà **V**, ông **Q** một lần toàn bộ số tiền còn nợ là 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông **Văn Thành T1** cũng thống nhất với phần trình bày của bà **V** về thời gian mua dầu, khoản tiền nợ, việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ; mặc dù bà **T2** vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào lời khai của bà **T2** thì ông **T1**, bà **T2** đồng ý trả khoản nợ theo yêu cầu của

bà **V** và xin trả dần khoản nợ trên theo phương thức: Cứ mỗi tháng thì trả một lần, mỗi lần trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và trả liên tục cho hết số nợ 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) .

Căn cứ vào giấy nợ do ông **T1**, bà **T2** thừa nhận và các lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Ông **Văn Thành T1** và bà **Huỳnh Thị T2** còn nợ bà **Nguyễn Thùy V**, ông **Nguyễn Văn Q** số tiền 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Việc ông **T1**, bà **T2** không thanh toán tiền cho bà **V**, ông **Q** số tiền trên đã vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về mua bán tài sản; nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự; đồng thời gây khó khăn cho trong bà **V**, ông **Q** trong việc thu hồi vốn, ảnh hưởng quyền lợi của bà **V**, ông **Q** nên việc bà **V**, ông **Q** khởi kiện yêu cầu ông **T1**, bà **T2** trả tiền cho bà **V**, ông **Q** là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Việc ông **T1**, bà **T2** xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của bà **V**, ông **Q** đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông **T1**, bà **T2**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Q**, bà **V** không yêu cầu ông **Văn Thành T1** và bà **Huỳnh Thị T2** trả lãi nên Tòa không xem xét.

Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Văn Thành T1** và bà **Huỳnh Thị T2** phải trả một lần cho nguyên đơn bà **Nguyễn Thùy V** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn Q** toàn bộ số tiền nợ là 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện bà **V** yêu cầu ông **T1**, bà **T2** trả lãi với số tiền là 16.626.500đ (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 11/3/2024, tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thùy V** là bà **Huỳnh Thị Bạch T** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà **T** chỉ yêu cầu ông **T1**, bà **T2** phải trả cho bà **V**, ông **Q** số tiền 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) và không yêu cầu ông **T1**, bà **T2** phải trả lãi đối với số nợ trên nên Tòa không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Yêu cầu của bà **V** được chấp nhận nên bà **V** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **Văn Thành T1** và bà **Huỳnh Thị T2** là người trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên ông **T1**, bà **T2** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, Điều 431, Điều 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Nguyễn Thùy V**.

Buộc ông **Văn Thành T1** và bà **Huỳnh Thị T2** phải trả số tiền 78.464.000đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) cho bà **Nguyễn Thùy V**, ông **Nguyễn Văn Q**.

Quy định: Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà **Nguyễn Thùy V** đối với yêu cầu ông **Văn Thành T1** và bà **Huỳnh Thị T2** phải số tiền lãi là 16.626.500đ (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

- Ông **Văn Thành T1** và bà **Huỳnh Thị T2** là người trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên ông **T1**, bà **T2** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà **Nguyễn Thùy V** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà **V** số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002100 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hòa Thanh

